

Số: 126/2017/TT-BTC

Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2017

THÔNG TƯ
Về chế độ báo cáo và công khai thông tin về nợ công
và nợ nước ngoài của quốc gia

310 TV
06/11/17

Căn cứ Luật Quản lý nợ công số 29/2009/QH12 ngày 17 tháng 06 năm 2009;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 07 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 78/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 07 năm 2010 của Chính phủ về cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 79/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 07 năm 2010 của Chính phủ về nghiệp vụ quản lý nợ công;

Căn cứ Nghị định số 52/2017/NĐ-CP ngày 28 tháng 04 năm 2017 của Chính phủ về cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ đối với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về chế độ báo cáo và công khai thông tin về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Thông tư này quy định về chế độ báo cáo và công khai thông tin về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia theo quy định tại các Điều 24 và 26 của Nghị định số 79/2010/NĐ-CP ngày 14/07/2010 của Chính phủ về nghiệp vụ quản lý nợ công.

2. Đối tượng áp dụng: Thông tư này áp dụng cho các đối tượng bao gồm cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý nợ của Chính phủ, nợ được Chính phủ bảo lãnh, nợ chính quyền địa phương và nợ nước ngoài của quốc gia.

Điều 2. Chế độ báo cáo

1. Bộ Tài chính tổng hợp và lập báo cáo về nợ công theo các mẫu biểu quy định tại Phụ lục I đính kèm Thông tư này, bao gồm:

- a. Báo cáo thực hiện vay, trả nợ nước ngoài của Chính phủ;
- b. Báo cáo thực hiện vay, trả nợ trong nước của Chính phủ;
- c. Báo cáo thực hiện vay, trả nợ nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh;
- d. Báo cáo thực hiện vay, trả nợ trong nước được Chính phủ bảo lãnh;
- đ. Báo cáo thực hiện vay và trả nợ của Chính quyền địa phương;
- e. Báo cáo thực hiện vay, trả nợ công.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương tổng hợp và lập báo cáo về nợ chính quyền địa phương theo các Mẫu biểu quy định tại Phụ lục II đính kèm Thông tư này, bao gồm:

- a. Báo cáo thực hiện vay và trả nợ của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- b. Báo cáo thực hiện vay và trả nợ nguồn vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ.

3. Các cơ quan cho vay lại chịu trách nhiệm lập và báo cáo Bộ Tài chính về tình hình vay về cho vay lại theo các mẫu biểu quy định tại Phụ lục III đính kèm Thông tư này, bao gồm:

- a. Báo cáo tình hình vay, trả nợ của từng dự án vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ theo nhà tài trợ;
- b. Báo cáo về tình hình thực hiện trả nợ trực tiếp cho nước ngoài theo ủy quyền của Bộ Tài chính;
- c. Báo cáo tình hình phân loại các khoản nợ vay lại từ nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ;
- d. Báo cáo tình hình các dự án vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ có nợ quá hạn;
- đ. Báo cáo tình hình dư nợ của đơn vị nhận vay lại có nợ quá hạn.

4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tổng hợp và cung cấp cho Bộ Tài chính các báo cáo về các khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp, theo các mẫu biểu quy định tại Phụ lục IV đính kèm Thông tư này, bao gồm:

- a. Thông tin chi tiết về khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp được xác nhận;
- b. Tổng hợp tình hình vay, trả nợ nước ngoài trung, dài hạn của doanh nghiệp theo hình thức tự vay tự trả;

c. Tổng hợp tình hình vay, trả nợ nước ngoài ngắn hạn của doanh nghiệp theo hình thức tự vay tự trả.

Điều 3. Công khai thông tin về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia

1. Bộ Tài chính thực hiện công khai thông tin về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia theo các mẫu biểu công khai thông tin tại Phụ lục V đính kèm Thông tư này, bao gồm:

- a. Các chỉ tiêu về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia;
- b. Vay và trả nợ của Chính phủ;
- c. Vay và trả nợ được Chính phủ bảo lãnh;
- d. Vay và trả nợ trong nước của chính quyền địa phương;
- e. Vay và trả nợ nước ngoài của quốc gia.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện công khai thông tin về vay và trả nợ của chính quyền địa phương, bao gồm: Vay Ngân hàng phát triển Việt Nam, Tạm ứng ngân quỹ nhà nước; Phát hành trái phiếu chính quyền địa phương; Vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ và vay khác của chính quyền địa phương.

Điều 4. Thời hạn báo cáo và công khai thông tin về nợ công

1. Thời hạn các đơn vị lập và gửi báo cáo định kỳ cho Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- a. Đối với các báo cáo định kỳ hàng quý, các đơn vị lập và gửi báo cáo về Bộ Tài chính trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý.
- b. Đối với các báo cáo tình hình thực hiện 6 tháng đầu năm: các đơn vị gửi báo cáo về Bộ Tài chính trước ngày 31/07 hàng năm.
- c. Đối với các báo cáo tình hình thực hiện hàng năm: các đơn vị gửi báo cáo bằng văn bản về Bộ Tài chính trước ngày 15/02 của năm sau.

2. Bộ Tài chính tổng hợp các báo cáo về nợ công báo cáo Chính phủ để trình Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, đồng thời gửi các cơ quan có liên quan theo quy định của Luật Quản lý nợ công và các quy định liên quan.

3. Thời hạn công khai thông tin về nợ công theo các mẫu biểu quy định tại Điều 3 của Thông tư này được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 của Nghị định 79/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 07 năm 2010 của Chính phủ về nghiệp vụ quản lý nợ công.

Điều 5. Hình thức báo cáo

1. Các báo cáo gửi về Bộ Tài chính được thực hiện dưới hình thức văn bản kèm theo tệp điện tử về địa chỉ taichinhdoingoai@mof.gov.vn.

2. Các nội dung công khai thông tin về nợ công được thực hiện dưới hình thức phát hành Bản tin về nợ công và đăng trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính.

3. Các nội dung công khai thông tin về nợ chính quyền địa phương của từng địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định hình thức thực hiện.

Điều 6. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/01/2018 và áp dụng cho việc lập các báo cáo năm của năm 2017.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 53/2011/TT-BTC ngày 27/04/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu biểu báo cáo và công khai thông tin về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia. */u*

Nơi nhận: */u*

- VP TƯ Đảng và các Ban của Đảng;
- VP QH, VP Chủ tịch Nước;
- Các Bộ, CQ ngang Bộ, CQ thuộc CP;
- Viện kiểm sát NDTC; Toà án NDTC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan TƯ của các đoàn thể;
- UBND, Sở TC các tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Các Cơ quan cho vay lại;
- Cục Thuế các tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Ban chỉ đạo TƯ về Phòng, chống tham nhũng;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT; QLN (TTN) (6 00 bản)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Xuân Hà

Phụ lục I

TỔNG HỢP, BÁO CÁO VỀ NỢ CÔNG

*(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2017/TT-BTC
ngày ... tháng ... năm 2017 của Bộ Tài chính)*

Cơ quan thực hiện: Bộ Tài chính

Số mẫu biểu báo cáo	Tên mẫu biểu báo cáo
1.01	Báo cáo thực hiện vay, trả nợ nước ngoài của Chính phủ.
1.02	Báo cáo thực hiện vay, trả nợ trong nước của Chính phủ (Kho bạc Nhà nước Trung ương thực hiện báo cáo)
1.03	Báo cáo thực hiện vay, trả nợ trong nước của Chính phủ (Vụ Ngân sách Nhà nước thực hiện báo cáo)
1.04	Báo cáo thực hiện vay, trả nợ nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh.
1.05	Báo cáo thực hiện vay, trả nợ trong nước được Chính phủ bảo lãnh.
1.06	Báo cáo thực hiện vay và trả nợ của Chính quyền địa phương.
1.07	Báo cáo thực hiện vay, trả nợ công.

Mẫu biểu số 1.01

(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2017/TT-BTC của Bộ Tài chính về chế độ báo cáo và công khai thông tin về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia)

Cơ quan thực hiện: BỘ TÀI CHÍNH (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại)

BÁO CÁO THỰC HIỆN VAY, TRẢ NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm / Cả năm

Đơn vị: Triệu USD

	DƯ NỢ ĐẦU KỲ	RÚT VỐN TRONG KỲ	TRẢ NỢ			DƯ NỢ CUỐI KỲ
			GỐC	LÃI+PHÍ	TỔNG CỘNG	
	1	2	3	4	5	6
TỔNG CỘNG (I+II)						
I. Vay theo Hiệp định, thỏa thuận						
1. Chính phủ nước ngoài						
2. Các Tổ chức quốc tế						
3. Các TCTD, NHTM						
4. Tổ chức khác (nếu có)						
II. Vay theo hình thức Trái phiếu						
1. Ngân hàng thương mại						
2. Các Quỹ						
3. Chủ nợ khác						

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Cột 1: Áp dụng tỷ giá hạch toán kế toán và báo cáo thu chi ngoại tệ do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm đầu kỳ báo cáo
- Cột 2, 3, 4, 5: Áp dụng tỷ giá hạch toán kế toán và báo cáo thu chi ngoại tệ do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch
- Cột 6: Áp dụng tỷ giá hạch toán kế toán và báo cáo thu chi ngoại tệ do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm cuối kỳ báo cáo

Mẫu biểu số 1.02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 126 /2017/TT-BTC của Bộ Tài chính về chế độ báo cáo và công khai thông tin về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia)

Cơ quan thực hiện: **BỘ TÀI CHÍNH** (Kho bạc Nhà nước Trung ương)

BÁO CÁO THỰC HIỆN VAY, TRẢ NỢ TRONG NƯỚC CỦA CHÍNH PHỦ

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm / Cả năm

Đơn vị tính: tỷ đồng

NỘI DUNG	DƯ NỢ ĐẦU KỲ	RÚT VỐN TRONG KỲ	TRẢ NỢ TRONG KỲ				DƯ NỢ CUỐI KỲ
			GỐC	LÃI	PHÍ	TỔNG CỘNG	
A	1	2	3	4	5	6	7
TỔNG CỘNG							
1. Trái phiếu Kho bạc							
2. Trái phiếu đặc biệt							
3. Trái phiếu ngoại tệ							
4. Tạm ứng ngân quỹ nhà nước							

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số 1.03

(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2017/TT-BTC của Bộ Tài chính về chế độ báo cáo và công khai thông tin về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia)

Cơ quan thực hiện: **BỘ TÀI CHÍNH** (Vụ Ngân sách Nhà nước)

BÁO CÁO THỰC HIỆN VAY, TRẢ NỢ TRONG NƯỚC CỦA CHÍNH PHỦ

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm / Cả năm

Đơn vị tính: tỷ đồng

NỘI DUNG	DƯ NỢ ĐẦU KỲ	RÚT VỐN TRONG KỲ	TRẢ NỢ TRONG KỲ				DƯ NỢ CUỐI KỲ
			GỐC	LÃI	PHÍ	TỔNG CỘNG	
A	1	2	3	4	5	6	7
TỔNG CỘNG							
1. Vay Quỹ bảo hiểm xã hội							
2. Vay Quỹ tích lũy trả nợ							
3. Vay khác							

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số 1.04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 126/2017 TT-BTC của Bộ Tài chính về chế độ báo cáo và công khai thông tin về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia)

Cơ quan thực hiện: BỘ TÀI CHÍNH (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại)

BÁO CÁO THỰC HIỆN VAY, TRẢ NỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯỢC CHÍNH PHỦ BẢO LÃNH

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm / Cả năm

Đơn vị: Triệu USD

	DƯ NỢ ĐẦU KỲ	RÚT VỐN TRONG KỲ	TRẢ NỢ			DƯ NỢ CUỐI KỲ
			GỐC	LÃI+PHÍ	TỔNG	
	1	2	3	4	5	6
TỔNG CỘNG						
Nước chủ nợ						
- Dự án						
- Dự án						
Nước chủ nợ						
- Dự án						
- Dự án						

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Cột 1: Áp dụng tỷ giá hạch toán kế toán và báo cáo thu chi ngoại tệ do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm đầu kỳ báo cáo
- Cột 2, 3, 4, 5: Áp dụng tỷ giá hạch toán kế toán và báo cáo thu chi ngoại tệ do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch
- Cột 6: Áp dụng tỷ giá hạch toán kế toán và báo cáo thu chi ngoại tệ do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm cuối kỳ báo cáo

Mẫu biểu số 1.05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 126 /2017/TT-BTC của Bộ Tài chính về chế độ báo cáo và công khai thông tin về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia)

Cơ quan thực hiện: Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại)

BÁO CÁO THỰC HIỆN VAY VÀ TRẢ NỢ TRONG NƯỚC ĐƯỢC CHÍNH PHỦ BẢO LÃNH

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm / Cả năm

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Dư nợ đầu kỳ	Rút vốn trong kỳ	Trả nợ trong kỳ			Dư nợ cuối kỳ
			Gốc	Lãi+phí	Tổng	
A	1	2	3	4	5	(6=1+2-3)
TỔNG CỘNG						
I. Bảo lãnh phát hành cho các Ngân hàng chính sách						
1. Ngân hàng Phát triển Việt Nam						
2. Ngân hàng Chính sách xã hội						
II. Bảo lãnh cho các doanh nghiệp						
1. Phát hành trái phiếu						
2. Các khoản vay						

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số 1.06

(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2017/TT-BTC của Bộ Tài chính về chế độ báo cáo và công khai thông tin về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia)

Cơ quan thực hiện: Bộ Tài chính (Vụ Ngân sách Nhà nước)

BÁO CÁO THỰC HIỆN VAY VÀ TRẢ NỢ CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

Kỳ báo cáo: Quý / năm

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	ĐỊA PHƯƠNG	Dư nợ đầu kỳ	Rút vốn trong kỳ	Trả nợ trong kỳ			Dư nợ cuối kỳ
				Gốc	Lãi+Phí	Tổng	
A	B	1	2	3	4	5	6 = (1+2-3)
	TỔNG CỘNG						
1	- HNH A						
2	- TỈNH B						
3	- TỈNH C						
	- ...						
	- ...						
	- ...						
	- ...						

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số 1.07

(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2017/TT-BTC của Bộ Tài chính về chế độ báo cáo và công khai thông tin về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia)

Cơ quan thực hiện: BỘ TÀI CHÍNH (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại)

BÁO CÁO THỰC HIỆN VAY, TRẢ NỢ CÔNG
Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm / Cả năm

Đơn vị: Triệu USD

	DƯ NỢ ĐẦU KỲ	RÚT VỐN TRONG KỲ	TRẢ NỢ			DƯ NỢ CUỐI KỲ
			GỐC	LÃI+PHÍ	TỔNG CỘNG	
	1	2	3	4	5	6 = (1+2-3)
TỔNG CỘNG (I+II+III)						
I. Nợ của Chính phủ						
1. Nợ nước ngoài						
2. Nợ trong nước						
II. Nợ được Chính phủ bảo lãnh						
1. Ngoài nước						
2. Trong nước						
III. Nợ của Chính quyền địa phương						

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục II

**TỔNG HỢP, BÁO CÁO VỀ VAY VÀ TRẢ NỢ
CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG**
(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2017/TT-BTC
ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài chính)

**Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân các Tỉnh/Thành phố
trực thuộc trung ương**

Số mẫu biểu báo cáo	Tên mẫu biểu báo cáo
2.01	Thực hiện vay và trả nợ của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.
2.02	Thực hiện vay và trả nợ nguồn vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ.

Mẫu biểu số 2.01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 126 /2017/TT-BTC của Bộ Tài chính về chế độ báo cáo và công khai thông tin về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia)

Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân tỉnh

THỰC HIỆN VAY VÀ TRẢ NỢ CỦA TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm / Cả năm

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện ký vay trong kỳ	Dư nợ đầu kỳ	Rút vốn trong kỳ	Trả nợ trong kỳ			Dư nợ cuối kỳ
				Gốc	Lãi + Phí	Tổng	
A	B	1	2	3	4	5	6 = (1+2-3)
1. Vay Ngân hàng phát triển Việt Nam							
2. Tạm ứng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhân rồi							
3. Phát hành trái phiếu chính quyền địa phương							
4. Vay lại nguồn vay nước ngoài của Chính phủ (*)							
5. Vay khác							
Tổng cộng							

	Đầu kỳ	Cuối kỳ
Tỷ lệ dư nợ vay so với thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp (%) (**)		

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

* Vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ là các khoản vay lại theo quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 23 của Luật Quản lý nợ công

** Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp được xác định theo dự toán ngân sách địa phương hàng năm được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua

- Cột B, 1: Áp dụng tỷ giá hạch toán do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm đầu kỳ báo cáo

- Cột 2, 3, 4, 5: áp dụng tỷ giá hạch toán do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch

- Cột 6: Áp dụng tỷ giá hạch toán do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm cuối kỳ báo cáo

Mẫu biểu số 2.02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 226... /2017/TT-BTC của Bộ Tài chính về chế độ báo cáo và công khai thông tin về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia)

Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân tỉnh

THỰC HIỆN VAY VÀ TRẢ NỢ NGUỒN VAY LẠI VỐN VAY NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm / Cả năm

Đơn vị tính: triệu USD

DỰ ÁN	Dư nợ đầu kỳ	Rút vốn trong kỳ	Trả nợ trong kỳ			Dư nợ cuối kỳ
			Gốc	Lãi + Phí	Tổng	
A	1	2	3	4	5	6 = (1+2-3)
1. Nguồn vay						
- Dự án						
- Dự án						
2. Nguồn vay						
- Dự án						
- Dự án						
Tổng cộng						

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

- Cột 2, 3, 4, 5: áp dụng tỷ giá hạch toán do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch

- Cột 1,6: Áp dụng tỷ giá hạch toán do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm cuối kỳ báo cáo

Phụ lục III

**TỔNG HỢP, BÁO CÁO VỀ CHO VAY LẠI TỪ NGUỒN VỐN
VAY NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số ..126...../2017/TT-BTC
ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài chính)*

Cơ quan thực hiện: Các cơ quan cho vay lại

Số mẫu biểu báo cáo	Tên mẫu biểu báo cáo
3.01	Nợ của các khoản vay nước ngoài về cho vay lại theo chủ nợ cho vay
3.02	Nợ của các khoản vay nước ngoài về cho vay lại theo đơn vị vay lại
3.03	Thực hiện rút vốn vay nước ngoài về cho vay lại
3.04	Thực hiện trả nợ Bộ Tài chính
3.05	Thực hiện trả nợ trực tiếp cho nước ngoài
3.06	Báo cáo tình hình các dự án có nợ quá hạn
3.07	Báo cáo dư nợ của đơn vị vay lại có nợ quá hạn

Mẫu biểu số 3.01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài chính về chế độ báo cáo và công khai thông tin về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia)

Cơ quan thực hiện: Cơ quan cho vay lại

NỢ CỦA CÁC KHOẢN VAY NƯỚC NGOÀI VỀ CHO VAY LẠI THEO NHÀ TÀI TRỢ CHO VAY
NĂM

A	Loại tiền	DƯ NỢ ĐẦU NĂM			RÚT VON TRONG NĂM TỪ NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI			TRẢ NỢ TRONG NĂM									DƯ NỢ CUỐI NĂM		
								GỐC			LÃI + PHÍ			CỘNG					
	B	Nguyên tệ	Quy USD	Quy VND	Nguyên tệ	Quy USD	Quy VND	Nguyên tệ	Quy USD	Quy VND	Nguyên tệ	Quy USD	Quy VND	Nguyên tệ	Quy USD	Quy VND	Nguyên tệ	Quy USD	Quy VND
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
TỔNG CỘNG																			
Chính phủ nước ngoài																			
Nước																			
Dự án																			
Dự án																			
Nước																			
Dự án																			
Dự án																			
Tổ chức quốc tế																			
Tổ chức																			
Dự án																			
Dự án																			
Tổ chức																			
Dự án																			
Dự án																			
Các TCTD, NHFM																			
Ngân hàng....																			
Dự án																			
Dự án																			
Tổ chức khác (nếu có)																			
Tên tổ chức																			
Dự án																			
Dự án																			

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:
- Các 2, 3: Áp dụng tỷ giá hạch toán kế toán và báo cáo thu chi ngoại tệ do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm lập lý báo cáo.
- Các 5, 6, 8, 9, 11, 12, 14, 15: Áp dụng tỷ giá hạch toán kế toán và báo cáo thu chi ngoại tệ do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- Các 17, 18: Áp dụng tỷ giá hạch toán kế toán và báo cáo thu chi ngoại tệ do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm cuối kỳ báo cáo.

Mẫu biểu số 3.02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 126 /2017/TT-BTC ngày 27. tháng 11... năm 2017 của Bộ Tài chính về chế độ báo cáo và công khai thông tin về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia)

Cơ quan thực hiện: Cơ quan cho vay lại

NỢ CỦA CÁC KHOẢN VAY NƯỚC NGOÀI VỀ CHO VAY LẠI THEO ĐƠN VỊ NHẬN VAY LẠI
Năm

Đơn vị tính: Đồng nguyên tệ

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Loại tiền	Dư nợ đầu kỳ	Rút vốn trong kỳ	Trả nợ trong kỳ			Dư nợ cuối kỳ	NỢ QUÁ HẠN		
					Gốc	Lãi+Phí	Cộng		Gốc	Lãi+Phí	Cộng
A		B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG CỘNG										
1	Người vay ...										
	Dự án										
	Dự án										
2	Người vay ...										
	Dự án										
	Dự án										
3	Người vay ...										
	Dự án										
	Dự án										
4	Người vay ...										
	Dự án										
	Dự án										
5	Người vay ...										
	Dự án										
	Dự án										

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số 3.03

(Ban hành kèm theo Thông tư số ~~126~~ /2017/TT-BTC ngày ~~27~~ tháng ~~11~~ năm 2017 của Bộ Tài chính về chế độ báo cáo và công khai thông tin về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia)

Cơ quan thực hiện: Cơ quan cho vay lại

THỰC HIỆN RÚT VỐN VAY NƯỚC NGOÀI VỀ CHO VAY LẠI
QUÝ NĂM

TÊN DỰ ÁN	RÚT VỐN TỪ NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI			
	Loại tiền	Nguyên tệ	Quy USD	Quy VND
	A	1	2	3
TỔNG CỘNG				
Chính phủ nước ngoài				
Nước				
Dự án				
Dự án				
Nước				
Dự án				
Dự án				
Tổ chức quốc tế				
Tổ chức				
Dự án				
Dự án				
Tổ chức				
Dự án				
Dự án				
Các TCTD, NHTM				
Ngân hàng.....				
Dự án				
Dự án				
Tổ chức khác (nếu có)				
Tên tổ chức				
Dự án				
Dự án				

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Cột 2, 3: Áp dụng tỷ giá hạch toán kế toán và báo cáo thu chi ngoại tệ do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch

Mẫu biểu số 3.04

(Ban hành kèm theo Thông tư số ~~26~~ 26/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài chính về chế độ báo cáo và công khai thông tin về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia)

Cơ quan thực hiện: Cơ quan cho vay lại

THỰC HIỆN TRẢ NỢ BỘ TÀI CHÍNH

Quý năm

TÊN DỰ ÁN	Loại tiền	Tổng trả nợ của dự án				Quy USD	Quy VND
		Gốc	Lãi + Phí	Phí cho vay lại trả Bộ Tài chính	Cộng		
	A	1	2	3	4	5	6
TỔNG CỘNG							
Chính phủ nước ngoài							
Nước							
Dự án							
Nước							
Dự án							
Tổ chức quốc tế							
Tổ chức							
Dự án							
Tổ chức							
Dự án							
Các TCTD, NHIM							
Ngân hàng....							
Dự án							
Tổ chức khác (nếu có)							
Tên tổ chức							
Dự án							

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Cột 5, 6: Áp dụng tỷ giá hạch toán kế toán và báo cáo thủ chi ngoại tệ do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch

Mẫu biểu số 3.05

(Ban hành kèm theo Thông tư số *126* /2017/TT-BTC ngày *27* tháng *11*... năm 2017 của Bộ Tài chính về chế độ báo cáo và công khai thông tin về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia)

Cơ quan thực hiện: Cơ quan cho vay lại

THỰC HIỆN TRẢ NỢ TRỰC TIẾP CHO NƯỚC NGOÀI
QUÝ NĂM

TÊN DỰ ÁN	Loại tiền	Trả nợ trực tiếp nước ngoài theo nguyên tệ			Quy USD	Quy VND
		Gốc	Lãi + Phí	Cộng		
	A	1	2	3	4	5
TỔNG CỘNG						
Chính phủ nước ngoài						
Nước						
Dự án						
Nước						
Dự án						
Tổ chức quốc tế						
Tổ chức						
Dự án						
Tổ chức						
Dự án						
Các TCTD, NHIM						
Ngân hàng....						
Dự án						
Tổ chức khác (nếu có)						
Tên tổ chức						
Dự án						

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Cột 1, 5: Áp dụng tỷ giá hạch toán kế toán và báo cáo thị trường ngoại tệ do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch

Mẫu biểu số 3.06

(Ban hành kèm theo Thông tư số 426/2017/TT-BTC ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài chính về chế độ báo cáo và công khai thông tin về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia)

Cơ quan thực hiện: Cơ quan cho vay lại

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÁC DỰ ÁN CÓ NỢ QUÁ HẠN

Năm

Đơn vị tính: Đồng nguyên tệ

TÊN DỰ ÁN	Loại tiền	DƯ NỢ ĐẾN 31/12/....			TRONG ĐÓ NỢ QUÁ HẠN				Nội dung xử lý hoặc kiến nghị
		Nguyên tệ	Quy USD	Quy VND	Gốc	Lãi	Phí	Cộng	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	C
ONG CỘNG									
Chính phủ nước ngoài									
Nước									
Dự án									
Nước									
Dự án									
Tổ chức quốc tế									
Tổ chức									
Dự án									
Tổ chức									
Dự án									
Các TCTD, NHIM									
Ngân hàng....									
Dự án									
Tổ chức khác (nếu có)									
Tên tổ chức									
Dự án									

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số 3.07

(Ban hành kèm theo Thông tư số 126 /2017/TT-BTC ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài chính về chế độ báo cáo và công khai thông tin về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia)

Cơ quan thực hiện: Cơ quan cho vay lại

BÁO CÁO DƯ NỢ CỦA ĐƠN VỊ VAY LẠI CÓ NỢ QUÁ HẠN

Tên khách hàng

Năm

Diễn biến dư nợ trong 12 tháng

Tháng	DƯ NỢ	
	Quy USD	Quy VND
Tháng 1		
Tháng 2		
Tháng 3		
Tháng 4		
Tháng 5		
Tháng 6		
Tháng 7		
Tháng 8		
Tháng 9		
Tháng 10		
Tháng 11		
Tháng 12		

Tình trạng dư nợ vay dài hạn hiện tại

Nhóm nợ	DƯ NỢ	
	Quy USD	Quy VND
- Dư nợ đủ tiêu chuẩn		
- Dư nợ nhóm 2		
- Dư nợ nhóm 3		
- Dư nợ nhóm 4		
- Dư nợ nhóm 5		

Ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP BIỂU

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Các cột quy USD và Quy VND: Áp dụng tỷ giá hạch toán kế toán và báo cáo thu chi ngoại tệ do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm cuối kỳ báo cáo

Phụ lục IV

TỔNG HỢP, BÁO CÁO VỀ NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA DOANH NGHIỆP

*(Ban hành kèm theo Thông tư số/2017/TT-BTC
ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài chính)*

Cơ quan thực hiện: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Số mẫu biểu báo cáo	Tên mẫu biểu báo cáo
4.01	Thông tin chi tiết về khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp được xác nhận
4.02	Tổng hợp tình hình vay, trả nợ nước ngoài trung, dài hạn của doanh nghiệp theo hình thức tự vay tự trả
4.03	Tổng hợp tình hình vay, trả nợ nước ngoài ngắn hạn của doanh nghiệp theo hình thức tự vay tự trả

Mẫu biểu số 4.01

(Ban hành kèm theo Thông tư số ~~26~~ **27**/2017/TT-BTC ngày ~~27~~ **11**/2017 của Bộ Tài chính về chế độ báo cáo và công khai thông tin về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia)

Cơ quan thực hiện: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ KHOẢN VAY NƯỚC NGOÀI CỦA DOANH NGHIỆP ĐƯỢC XÁC NHẬN

Quý.... năm

STT	Thông tin về Bên đi vay/Mã Khoản vay	Thông tin về khoản vay			Thông tin Bên cho vay		Chi phí khoản vay (%/năm)	Ngày NHNN xác nhận	Ghi chú
		Đồng tiền vay	Kim ngạch vay	Thời hạn vay (tháng)	Tên	Quốc gia chủ nợ			
1	Doanh nghiệp A								
	Mã khoản vay 1								
	Mã khoản vay 2								
2	Doanh nghiệp B								
	Mã khoản vay 1								
	Mã khoản vay 2								
3	Doanh nghiệp C								
	Mã khoản vay 1								
	Mã khoản vay 2								
4	Doanh nghiệp D								
	Mã khoản vay 1								
	Mã khoản vay 2								

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số 4.02

(Ban hành kèm theo Thông tư số ~~126~~ /2017/TT-BTC ngày ~~21~~/11/2017 của Bộ Tài chính về chế độ báo cáo và công khai thông tin về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia)

Cơ quan thực hiện: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH VAY, TRẢ NỢ NƯỚC NGOÀI TRUNG, DÀI HẠN
CỦA DOANH NGHIỆP THEO HÌNH THỨC TỰ VAY TỰ TRẢ**

Quý, năm

Đơn vị: triệu USD

	Số Dư đầu kỳ	Rút vốn trong kỳ	Trả nợ trong kỳ			Dư nợ cuối kỳ
			Gốc	Lãi	Tổng	
A	1	2	3	4	5	6 = (1+2-3)
Doanh nghiệp Nhà nước						
Tổ chức tín dụng						
Doanh nghiệp FDI						
Doanh nghiệp khác						
Tổng cộng						

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số 4.03

(Ban hành kèm theo Thông tư số ~~26~~ /2017/TT-BTC ngày ~~27~~ /~~11~~ /2017 của Bộ Tài chính về chế độ báo cáo và công khai thông tin về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia)

Cơ quan thực hiện: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH VAY, TRẢ NỢ NƯỚC NGOÀI NGẮN HẠN
CỦA DOANH NGHIỆP THEO HÌNH THỨC TỰ VAY TỰ TRẢ**

Quý năm

Đơn vị: triệu USD

	Số Dư đầu kỳ	Rút vốn trong kỳ	Trả nợ trong kỳ	Dư nợ cuối kỳ	Ghi chú
A	1	2	3	4 = (1+2-3)	5
Doanh nghiệp Nhà nước					
Tổ chức tín dụng					
Doanh nghiệp FDI					
Doanh nghiệp khác					
Tổng cộng					

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Cột 1 đến 5: Áp dụng tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tại thời điểm lập báo cáo

Phụ lục V

CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ NỢ CÔNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số ~~26~~ 26/2017/TT-BTC
ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài chính)

Cơ quan thực hiện: Bộ Tài chính

Số mẫu biểu	Tên mẫu biểu công khai thông tin
5.01	Các chỉ tiêu về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia.
5.02	Vay và trả nợ của Chính phủ.
5.03	Vay và trả nợ được Chính phủ bảo lãnh.
5.04	Vay và trả nợ trong nước của chính quyền địa phương.
5.05	Vay và trả nợ nước ngoài của quốc gia.

(Ban hành kèm theo Thông tư số 126/2017 TT-BTC ngày 11. tháng 11. năm 2017 của Bộ Tài chính về chế độ báo cáo và công khai thông tin về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia)

CÁC CHỈ TIÊU VỀ NỢ CÔNG VÀ NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA QUỐC GIA

Thời kỳ báo cáo: 5 năm tính đến năm báo cáo

Chỉ tiêu	Năm báo cáo -4	Năm báo cáo-3	Năm báo cáo-2	Năm báo cáo-1	Năm báo cáo
1. Nợ công so với tổng sản phẩm quốc dân (GDP) (%)					
a. Nợ Chính phủ so với tổng sản phẩm quốc dân (GDP) (%)					
b. Nợ Chính phủ bảo lãnh so với tổng sản phẩm quốc dân (GDP) (%)					
c. Nợ Chính quyền địa phương so với tổng sản phẩm quốc dân (GDP) (%)					
2. Nợ nước ngoài của quốc gia so với GDP (%)					
3. Nghĩa vụ trả nợ nước ngoài của quốc gia so với tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ (%)					
4. Nợ chính phủ so với thu ngân sách (%)					
5. Nghĩa vụ trả nợ của Chính phủ so với thu NSNN (%)					
6. Nghĩa vụ nợ dự phòng so với thu ngân sách (%)					

Mẫu biểu công khai thông tin số 5.02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2017/TT-BTC ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài chính về chế độ báo cáo và công khai thông tin về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia)

VAY VÀ TRẢ NỢ CỦA CHÍNH PHỦ

Thời kỳ báo cáo: 5 năm tính đến năm báo cáo
(Triệu USD, tỷ VND)

	Năm báo cáo - 4		Năm báo cáo - 3		Năm báo cáo - 2		Năm báo cáo - 1		Năm báo cáo	
	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND
I. DƯỚI NỢ ⁽¹⁾										
1. Nợ nước ngoài										
2. Nợ trong nước										
II. RÚT VỐN TRONG KỲ ⁽²⁾										
1. Nợ nước ngoài										
2. Nợ trong nước										
III. TỔNG TRẢ NỢ TRONG KỲ ⁽²⁾										
1. Nợ nước ngoài										
2. Nợ trong nước										
<i>Trong đó:</i>										
<i>Tổng trả nợ gốc trong kỳ</i>										
Nợ nước ngoài										
Nợ trong nước										
<i>Tổng trả lãi và phí trong kỳ</i>										
Nợ nước ngoài										
Nợ trong nước										

⁽¹⁾ Áp dụng tỷ giá hạch toán kế toán và báo cáo thu chi ngoại tệ do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm cuối kỳ

⁽²⁾ Áp dụng tỷ giá hạch toán kế toán và báo cáo thu chi ngoại tệ do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch

Mẫu khai công khai thông tin số 5.03

(Ban hành kèm theo Thông tư số 46 /2017/TT-BTC ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài chính về chế độ báo cáo và công khai thông tin về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia)

VAY VÀ TRẢ NỢ ĐƯỢC CHÍNH PHỦ BẢO LÃNH

Thời kỳ báo cáo: 5 năm tính đến năm báo cáo

(Triệu USD, tỷ VND)

	Năm báo cáo - 4		Năm báo cáo - 3		Năm báo cáo - 2		Năm báo cáo - 1		Năm báo cáo	
	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND
I. DƯ NỢ ⁽¹⁾										
1. Nợ nước ngoài										
2. Nợ trong nước										
II. RÚT VỐN TRONG KỲ ⁽²⁾										
1. Nợ nước ngoài										
2. Nợ trong nước										
III. TỔNG TRẢ NỢ TRONG KỲ ⁽²⁾										
1. Nợ nước ngoài										
2. Nợ trong nước										
<i>Trong đó:</i>										
Tổng trả nợ gốc trong kỳ										
Nợ nước ngoài										
Nợ trong nước										
Tổng trả lãi và phí trong kỳ										
Nợ nước ngoài										
Nợ trong nước										

⁽¹⁾ Áp dụng tỷ giá hạch toán kế toán và báo cáo thu chi ngoại tệ do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm cuối kỳ

⁽²⁾ Áp dụng tỷ giá hạch toán kế toán và báo cáo thu chi ngoại tệ do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch

Mẫu biểu công khai thông tin số 5.04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 126 /2017/TT-BTC ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài chính về chế độ báo cáo và công khai thông tin về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia)

VAY VÀ TRẢ NỢ TRONG NƯỚC CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG**Thời kỳ báo cáo: 5 năm tính đến năm báo cáo**

(Triệu USD, tỷ VND)

	Năm báo cáo - 4		Năm báo cáo - 3		Năm báo cáo - 2		Năm báo cáo - 1		Năm báo cáo	
	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND
<i>I. DƯỚI NỢ ⁽¹⁾</i>										
<i>II. SỐ VAY TRONG KỲ ⁽²⁾</i>										
<i>III. SỐ TRẢ NỢ TRONG KỲ ⁽²⁾</i>										
<i>Trong đó:</i>										
<i>1. Số trả gốc trong kỳ</i>										
<i>2. Số trả lãi và phí trong kỳ</i>										

⁽¹⁾ Áp dụng tỷ giá hạch toán kế toán và báo cáo thu chi ngoại tệ do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm cuối kỳ

⁽²⁾ Áp dụng tỷ giá hạch toán kế toán và báo cáo thu chi ngoại tệ do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch

PHẠM VI CÔNG KHAI THÔNG TIN SỐ 5.05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 126/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài chính về chế độ báo cáo và công khai thông tin về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia)

VAY VÀ TRẢ NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA QUỐC GIA

Thời kỳ báo cáo: 5 năm tính đến năm báo cáo

(Triệu USD, tỷ VND)

	Năm báo cáo - 4		Năm báo cáo - 3		Năm báo cáo - 2		Năm báo cáo - 1		Năm báo cáo	
	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND
I. DƯ NỢ⁽¹⁾										
1. Nợ nước ngoài của Chính phủ										
2. Nợ nước ngoài của doanh nghiệp										
II. SỐ VAY TRONG KỲ⁽²⁾										
1. Vay nước ngoài của Chính phủ										
2. Vay nước ngoài của doanh nghiệp										
III. TỔNG TRẢ NỢ TRONG KỲ⁽²⁾										
1. Nợ nước ngoài của Chính phủ										
2. Nợ nước ngoài của doanh nghiệp										
Trong đó:										
Tổng trả nợ gốc trong kỳ										
Nợ nước ngoài của Chính phủ										
Nợ nước ngoài của doanh nghiệp										
Tổng trả nợ lãi và phí trong kỳ										
Nợ nước ngoài của Chính phủ										
Nợ nước ngoài của doanh nghiệp										

⁽¹⁾ Áp dụng tỷ giá hạch toán kế toán và báo cáo thu chi ngoại tệ do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm cuối kỳ

⁽²⁾ Áp dụng tỷ giá hạch toán kế toán và báo cáo thu chi ngoại tệ do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch